TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH LỢI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Phương Anh

2. Ông Đào Văn Vĩnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Ngô Văn Trường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Châu Ngọc Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 270/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Bà Cao Thị T1, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông Phạm Văn T có mặt; bà Cao Thị T1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Cao Thị T1 tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 1984 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến năm 2013 vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2024 cho đến nay. Nay ông nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà T1.

- Về con chung: Ông và bà T1 có 03 con chung gồm anh Phạm Duy P, sinh

năm 1986; anh Phạm Duy K, sinh năm 1992; anh Phạm Duy T2, sinh năm 1994. Hiện các con phát triển bình thường, có thể tự nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung: Ông và bà T1 có 01 công đất ruộng tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, do bà T1 đứng tên quyền sử dụng đất. Tài sản chung này, ông và bà T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Cao Thị T1 trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông T về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung. Tuy nhiên, bà không đồng ý ly hôn với ông T. Bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2024 cho đến nay. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T thì bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông T.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà T1, cho ông T và bà T1 ly hôn; về con chung: Có 03 con chung gồm anh Phạm Duy P, anh Phạm Duy K và anh Phạm Duy T2 đã trưởng thành, phát triển bình thường nên xem xét, giải quyết; về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Ông T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông T khởi kiện ly hôn với bị đơn bà T1 nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà T1 hiện đang cư trú tại ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã triệu tập ông Phạm Văn T và bà Cao Thị T1 hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà T1 vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T1.

[3] Quan hệ hôn nhân: Ông T và bà T1 tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 1986 nhưng không có đăng ký kết hôn. Tại Biên bản xác minh ngày 12/02/2025 thể hiện, ông T và bà T1 chung sống vợ chồng vào khoảng năm 1984 và đã sống ly thân khoảng 05 tháng nay. Ông T và bà T1 có 03 người con gồm

anh P, anh K và anh T2. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định giữa ông T và bà T1 có quan hệ hôn nhân thực tế và hợp pháp theo quy định tại điểm d mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội "về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000". Ông T xác định, ông và bà T1 thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2024 cho đến nay. Cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, thực tế không thể hàn gắn, đời sống chung giữa ông T và bà T1 đã không thể tiếp tục duy trì và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T, xử cho ông T được ly hôn với bà T1.

[4] Về con chung: Ông T và bà T1 có 03 con chung là anh Phạm Duy P, sinh năm 1986; anh Phạm Duy K, sinh năm 1992; anh Phạm Duy T2, sinh năm 1994. Hiện tại các con đã trưởng thành, phát triển bình thường, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Ông T và bà T1 có 01 công đất ruộng tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, do bà T1 đứng tên quyền sử dụng đất. Tài sản chung này, ông T và bà T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông T và bà T1 xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình.

[8] Như đã phân tích, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm Văn T. Cho ông Phạm Văn T được ly hôn với bà Cao Thị T1.

2. Về con chung: Có 03 con chung là anh Phạm Duy P, sinh năm 1986; anh Phạm Duy K, sinh năm 1992; anh Phạm Duy T2, sinh năm 1994, đã trưởng thành, phát triển bình thường, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông Phạm Văn T và bà Cao Thị T1 xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Phạm Văn T và bà Cao Thị T1 xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Ông Phạm Văn T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình. Ông Phạm Văn T đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004465 ngày 28/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi nên chuyển thu án phí.

6. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lợi;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Khanh